

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách năm 2020.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật số 47/2019/QH14 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Văn bản số 03/CV-TCKH ngày 04/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách năm 2020 của huyện Ia Pa, như sau:

(chi tiết có các biểu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Quyết*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Ban KTXH HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- MT, đoàn thể huyện;
- UBND các xã;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ksor Suy

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 04 /QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	297.255	309.952	104%	91%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	270.460	248.428	92%	88%
I	Chi đầu tư phát triển	17.225	35.953	209%	115%
1	Chi đầu tư cho các dự án	15.240	34.868	229%	116%
2	Chi đầu tư phát triển từ nguồn 50% tăng thu dự toán	985		0%	
3	Chi đầu tư phát triển khác	1.000	1.085	109%	109%
II	Chi thường xuyên	247.165	207.134	84%	84%
	<i>Trong đó:</i>	-			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	132.157	133.575	101%	103%
2	Chi khoa học và công nghệ	732	504	69%	
3	Chi 50% từ dự toán tăng thu thu tương ứng	985		0%	
III	Dự phòng ngân sách	6.070	5.341	88%	126%
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	26.795	61.524	230%	107%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-			

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	297.255	418.787	141%	97%
I	Thu cân đối NSNN	11.620	12.970	112%	119%
1	Thu nội địa	11.620	12.970	112%	119%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	16.852	64.870	385%	80%
III	Thu kết dư ngân sách năm trước		37.478		97%
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	268.783	303.469	113%	101%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	297.255	309.952	104%	91%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	270.460	248.428	92%	88%
1	Chi đầu tư phát triển	17.225	35.953	209%	114%
2	Chi thường xuyên	247.165	207.134	84%	84%
3	Dự phòng ngân sách	6.070	5.341	88%	
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	26.795	61.524	230%	107%

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.000.00	16.084.00	124%	129%
I	Thu nội địa	13.000.00	16.053.00	123%	129%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp NN		220.00		
2	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	5.300.00	5.589.00	105%	126%
3	Thu tiền cấp quyền khai thác khoán sản (do tính cấp quyền khai thác)				0%
4	Thu tiền sử dụng đất	1.940.00	881.00	45%	57%
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		141.00		
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		6.00		
7	Lệ phí trước bạ	1.500.00	2.169.00	145%	152%
8	Phí và lệ phí	730.00	680.00	93%	
12	Thuế thu nhập cá nhân	1.150.00	1.038.00	90%	102%
13	Tiền cho thuê đất	200.00	292.00	146%	108%
14	Thu phạt và thu khác ngân sách	2.060.00	4.490.00	218%	148%
20	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế xử lý	120.00	112.00	93%	70%
21	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản		435.00		137%
II	Các khoản thu đóng góp tự nguyện		31.00		
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	10.225	12.970	127%	119%
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	10.225	12.970	127%	119%